

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 9 – 2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Kinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Hồ Thanh Trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2017/TL.ST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Ch (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Ch trình bày: Vào khoảng năm 2011, được hai bên gia đình đồng ý nên ông và bà N tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định ngày 14/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà cảm thấy không hợp nhau, bà N thường xuyên thay đổi tính tình, không quan tâm chăm sóc chồng con, đến khoảng tháng 6/2013 bà N đã bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột ở đến nay, ông đã nhiều lần liên lạc với vợ yêu cầu bà N về để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N ông không đồng ý, hiện tại ông bà cũng đã ly thân từ 2013 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông Ch làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Phạm Thị Mỹ Q (Nữ), sinh ngày 03/01/2012, hiện cháu Q đang sống chung với ông Ch.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có lý do nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định việc thụ lý, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đối với bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên để bảo đảm quyền lợi của ông Châu đề nghị áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông Phạm Văn Ch và Bà Trần Thị N sau quá trình tìm hiểu, và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo quy định ngày 14/02/2012. Sau quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến tháng 6/2017, ông Ch nộp đơn yêu cầu được ly hôn với bà N. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt, do đó để bảo đảm quyền lợi của ông Ch, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N theo quy tại Điều 227; Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Ch; Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông Ch và bà N sau quá trình tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang ngày 14/02/2012.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bà N không quan tâm đến chồng, con làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại ông Ch và bà N đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, tại phiên tòa ông Ch xác định không còn tình cảm đối với bà N nữa nên không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên nhưng không thành.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa ông Phạm Văn Ch và bà Trần Thị N.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Thị Mỹ Q, (nữ) sinh ngày 03/01/2012, xét thấy từ khi ly thân đến nay thì cháu Q sống chung với ông Ch, được chăm sóc chu đáo và học hành đầy đủ, vì vậy để bảo đảm ổn định cuộc sống cũng như về tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Q của ông Ch, tiếp tục giao cháu Q cho ông Ch nuôi dưỡng, do ông Ch chưa yêu cầu cấp dưỡng nên bà N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho bà N không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn Ch và bà Trần Thị N.

2. Về con chung: tiếp tục giao cháu Phạm Thị Mỹ Q, (nữ) sinh ngày 03/01/2012 cho ông Ch nuôi dưỡng, bà N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho bà N không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn Ch phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp theo biên lai số 0011032 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Vĩnh Trung, h Vị Thủy
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thanh Kính**